

Tổng hợp kiến thức câu tường thuật (Reported Speech) cho câu hỏi

Câu tường thuật (hay còn gọi là câu gián tiếp) được dùng để thuật lại lời nói của một người khác. Đối với câu hỏi, khi chuyển từ trực tiếp sang gián tiếp, chúng ta không chỉ thay đổi về thì, đại từ, trạng từ mà còn phải thay đổi cả cấu trúc câu. Chuyên đề này sẽ tập trung vào hai dạng câu hỏi phổ biến nhất: câu hỏi Yes/No và câu hỏi Wh-.

I. Các quy tắc thay đổi chung cần nhớ

Trước khi đi vào từng dạng câu hỏi cụ thể, hãy cùng ôn lại 3 quy tắc thay đổi cơ bản khi chuyển từ câu trực tiếp sang câu gián tiếp.

1. Quy tắc lùi thì (Backshift of tenses)

Khi động từ tường thuật (reporting verb) ở thì quá khứ (ví dụ: said, asked), thì của động từ trong câu nói trực tiếp thường phải lùi về một bậc quá khứ.

Thì trong câu trực tiếp	Thì trong câu tường thuật	Ví dụ
Hiện tại đơn (V/Vs/es)	Quá khứ đơn (V2/ed)	"I live in Hanoi." → He said he lived in Hanoi.
Hiện tại tiếp diễn (am/is/are + V-ing)	Quá khứ tiếp diễn (was/were + V-ing)	"She is studying ." → He said she was studying .
Hiện tại hoàn thành (have/has + V3/ed)	Quá khứ hoàn thành (had + V3/ed)	"I have finished my work." → She said she had finished her work.
Quá khứ đơn (V2/ed)	Quá khứ hoàn thành (had + V3/ed)	"They went to the cinema yesterday." → He said they had gone to the cinema the day before.
Tương lai đơn (will + V)	Tương lai trong quá khứ (would + V)	"I will call you tomorrow." → She said she would call me the next day.
Can / May / Must	Could / Might / Had to	"You must finish it." → He said I had to finish it.

2. Thay đổi đại từ, tính từ sở hữu

Đại từ nhân xưng, đại từ sở hữu và tính từ sở hữu được thay đổi cho phù hợp với người nói và người nghe trong câu tường thuật.

- **Ví dụ 1:** She asked me, "Do **you** like **my** new dress?"
→ She asked me if **I** liked **her** new dress. (you → I, my → her)
- **Ví dụ 2:** He asked, "Where are **we** going?"
→ He asked where **they** were going. (we → they)

3. Thay đổi trạng từ chỉ thời gian và nơi chốn

Các trạng từ này cũng cần được biến đổi để phù hợp với thời điểm và địa điểm tường thuật lại lời nói.

Trực tiếp	Gián tiếp
now	then / at that time
today	that day
yesterday	the day before / the previous day
tomorrow	the next day / the following day
ago	before
last week/month/year	the week/month/year before / the previous week/month/year
next week/month/year	the week/month/year after / the following week/month/year
here	there
this	that
these	those

- **Ví dụ:** He asked, "Will you be **here tomorrow**?"

→ He asked if I would be **there the next day**.

II. Câu tường thuật với câu hỏi Yes/No

Đây là dạng câu hỏi mà câu trả lời thường là "Yes" hoặc "No".

1. Cấu trúc

Khi chuyển câu hỏi Yes/No sang câu tường thuật, chúng ta dùng "if" hoặc "whether" và chuyển câu về dạng khẳng định.

S + asked (+ O) / wanted to know / wondered + if/whether + S + V (lùi thì)...

2. Các bước chuyển đổi

1. Bỏ dấu chấm hỏi (?) và thay bằng dấu chấm (.).
2. Sử dụng các động từ tường thuật như **asked, wanted to know, wondered**.
Nếu có tân ngữ (người được hỏi), ta dùng "asked + O".
3. Thêm liên từ **if** hoặc **whether** ngay sau động từ tường thuật.
4. Chuyển cấu trúc câu hỏi (trợ động từ + S + V) về cấu trúc câu khẳng định (S + V).
5. Thực hiện các thay đổi về thì, đại từ và trạng từ như quy tắc chung.

3. Ví dụ minh họa

• Ví dụ 1:

Trực tiếp: He asked, "**Are you** a student?"

Tường thuật: He asked **if/whether I was** a student.

Giải thích: Động từ "are" (hiện tại đơn) lùi về "was" (quá khứ đơn). "You" đổi thành "I". Cấu trúc câu hỏi "Are you...?" đổi thành cấu trúc khẳng định "I was...".

• Ví dụ 2:

Trực tiếp: She asked me, "**Did you finish** your homework yesterday?"

Tường thuật: She asked me **if/whether I had finished** my homework the day before.

Giải thích: Thì quá khứ đơn ("Did you finish") lùi về quá khứ hoàn thành ("had finished"). "you" → "I", "your" → "my", "yesterday" → "the day before".

• Ví dụ 3:

Trực tiếp: "**Can you** help me with this exercise?" Tom asked his sister.

Tường thuật: Tom asked his sister **if/whether she could** help him with that exercise.

Giải thích: "Can" → "could", "you" → "she", "me" → "him", "this" → "that".

III. Câu tường thuật với câu hỏi Wh-

Đây là dạng câu hỏi bắt đầu bằng các từ để hỏi như What, Where, When, Why, Who, Which, How.

1. Cấu trúc

Khi chuyển câu hỏi Wh- sang câu tường thuật, chúng ta giữ lại từ để hỏi và chuyển câu về dạng khẳng định.

S + asked (+ O) / wanted to know / wondered + Wh-word + S + V (lùi thì)...

2. Các bước chuyển đổi

1. Bỏ dấu chấm hỏi (?) và thay bằng dấu chấm (.).

- Sử dụng các động từ tường thuật như **asked, wanted to know, wondered**.
- Giữ lại từ để hỏi (Wh-word) làm từ nối.
- Chuyển cấu trúc câu hỏi (Wh-word + trợ động từ + S + V) về cấu trúc câu khẳng định (Wh-word + S + V).
- Thực hiện các thay đổi về thì, đại từ và trạng từ như quy tắc chung.

3. Ví dụ minh họa

• Ví dụ 1:

Trực tiếp: The teacher asked me, "**What is** your name?"

Tường thuật: The teacher asked me **what my name was**.

Giải thích: Giữ lại từ để hỏi "what". "your name" đứng trước động từ "was".
"is" → "was", "your" → "my".

• Ví dụ 2:

Trực tiếp: "**Where did you go** last night?" my father asked.

Tường thuật: My father wanted to know **where I had gone** the night before.

Giải thích: Giữ lại từ để hỏi "where". Thì quá khứ đơn ("did you go") lùi về quá khứ hoàn thành ("had gone"). "you" → "I", "last night" → "the night before".

• Ví dụ 3:

Trực tiếp: She asked, "**How long will** you stay here?"

Tường thuật: She wondered **how long I would stay** there.

Giải thích: Giữ lại "how long". "will" → "would", "you" → "I", "here" → "there".

IV. Bảng so sánh và các lưu ý quan trọng

1. So sánh câu hỏi Yes/No và câu hỏi Wh-

Tiêu chí	Câu hỏi Yes/No	Câu hỏi Wh-
Từ nối	Sử dụng if hoặc whether	Giữ lại từ để hỏi (Wh-word)
Cấu trúc	S + asked + if/whether + S + V...	S + asked + Wh-word + S + V...
Ví dụ	"Do you like coffee?" → He asked if I liked coffee.	"What do you like?" → He asked what I liked.

2. Lưu ý về "if" và "whether"

- "If" và "whether" thường có thể thay thế cho nhau.
- "Whether" được coi là trang trọng hơn "if".
- Chúng ta thường ưu tiên dùng **whether** trong các trường hợp sau:
 - Khi có cụm **"or not"**: She asked me **whether** I was coming **or not**.
 - Sau giới từ: We talked about **whether** we should go.
 - Khi mệnh đề danh từ đứng làm chủ ngữ: **Whether** he agrees is not important.

3. Các động từ tường thuật khác

Ngoài "ask", bạn có thể dùng các động từ khác để làm cho câu văn phong phú hơn:

- **want to know:** muốn biết (không đi kèm tân ngữ trực tiếp)

Ví dụ: He **wanted to know** where I lived. (Không dùng: He wanted to know me...)

- **wonder:** tự hỏi, thắc mắc (không đi kèm tân ngữ)

Ví dụ: She **wondered** if he would come to the party.

- **inquire:** hỏi, yêu cầu thông tin (trang trọng)

Ví dụ: The man **inquired** whether the flight was on time.

VIDOCU.COM